

Số:...../2026/BC- ĐHĐCĐ

Thái nguyên, ngày tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN DU LỊCH CÔNG ĐOÀN HỒ NÚI CỐC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

I- Giới thiệu về công ty:

- Tên công ty: Công ty cổ phần Khách sạn Du lịch Công đoàn Hồ Núi Cốc
- Địa điểm: Xóm Tân Lập -Xã Đại Phúc - Tỉnh Thái Nguyên
- Mã số doanh nghiệp: 4600305064
- Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn Thoan
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty
- Ngành nghề doanh chủ yếu: Du lịch, Lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí, du lịch lữ hành, vận chuyển khách trên hồ, xây dựng công trình dân dụng trong phạm vi nội bộ công ty....

*** Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

Năm 2025 Công ty cổ phần khách sạn du lịch Công đoàn Hồ Núi Cốc hoạt động kinh doanh tiếp tục gặp khó khăn. Hậu quả bão Yagi hồi tháng 9 năm 2024 chưa được khắc phục xong. Tháng 10/2025 miền bắc nước ta đặc biệt là tỉnh Thái Nguyên hứng chịu sự tàn phá nặng nề của hoàn lưu sau bão . Một loạt các yếu tố bất lợi như . Canh tranh chiến lược gay gắt, xung đột leo thang ở Ucraina và các nước trung đông. Giá xăng dầu và một số mặt hàng cơ bản biến động mạnh ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt của nền kinh tế thế giới trong đó có Việt Nam.Điều kiện thời tiết biến đổi thất thường, một số điểm du lịch trong khu vực mọc lên làm cho thị trường du lịch cạnh tranh gay gắt, các yếu tố đó đã làm cho lượng khách tham du lịch đến Hồ Núi Cốc giảm nhiều so với năm trước.

Xong xác định được khó khăn thách thức bằng sự nỗ lực hết mình của cả hệ thống, Hội đồng quản trị , ban giám đốc cùng tập thể cán bộ công nhân viên ngay từ đầu năm đã nắm bắt tình hình chủ động xây dựng kế hoạch kinh doanh, nên công ty đã vượt qua khó khăn đã đạt được kết quả hết sức quan trọng trong các hoạt động kinh doanh với những chỉ tiêu nổi bật đó là hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, đảm bảo đời sống việc làm cho người lao động. Đến ngày 31/12/2025 công ty không còn nợ lương, BHXH cho người động, thu nhập bình quân người lao động đạt 11,8 triệu đồng/ người/tháng. Toàn bộ cán bộ công nhân viên về nghỉ tết đều hưởng lương tháng thứ 13 với mức thu nhập bình quân tối thiểu 15 triệu đồng/ người. Các hoạt

động tổ chức thăm hỏi động viên cán bộ CNV ốm đau, việc hiếu, việc hỷ, giải quyết chính sách chế độ cho người lao động được thực hiện kịp thời, đầy đủ.

Cụ thể được thể hiện trong cáo cáo tài chính sau đây:

PHẦN THỨ NHẤT : TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2025

I. Về tài sản tiền vốn:

1. Tổng giá trị doanh nghiệp có đến thời điểm 31/12 là: 67.794.322.343 đồng

Gồm: - Tài sản ngắn hạn: 7.028.783.258 đồng

- Tài sản dài hạn: 60.765.539.085 đồng

Được phân theo các nguồn hình thành như sau:

a/ Nguồn vốn chủ sở hữu: 27.347.295.5482 đồng

b/ Nợ phải trả: 40.447.026.794 đồng

Trong đó:

- Nợ ngắn hạn: 24.823.350.721 đồng

- Nợ dài hạn: 15.623.676.073 đồng

2/ Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính công ty năm 2025

2.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn trong năm:

a, Vốn chủ sở hữu

+ Số đầu năm 30.703.649.253 đồng

+ Số tăng trong năm 41.874.599 đồng

+ Giảm trong năm 3.398.094.645 đồng

+ Số cuối năm 26.717.429.207 đồng

b, Cơ cấu vốn chủ sở hữu cụ thể như sau:

- Vốn góp cổ phần : 7.000.000.000 đồng

- Các quỹ doanh nghiệp : 20.305.420.949 đồng

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 41.874.599 đồng

2.2. Tổng nợ phải trả : 35.086.282.720 đồng

2.1.1. Nợ ngắn hạn : 17.431.439.753 đồng

Trong đó:

- Nợ người bán : 899.107.439 đồng

- Người mua trả tiền trước : 16.912.700 đồng

- Thuế và các khoản phải nộp NN : 242.288.669 đồng

- Phải trả Người lao động : 4.655.052.005 đồng

- Chi phí trả trước ngắn hạn : 474.597.221 đồng

- Phải trả nội bộ ngắn hạn : 9.783.467 đồng

- Phải trả phải nộp khác : 4.892.605.922 đồng

- Vay ngắn hạn : 11.378.883.194 đồng

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 2.254.120.104 đồng
 2.1.2. Nợ dài hạn : **15.623.676.073 đồng**

Trong đó:

- Phải trả người bán dài hạn : 162.553.600 đồng
 - Chi phí phải trả dài hạn : 2.892.207.973 đồng
 - Nợ vay cá nhân dài hạn : 12.088.695.000 đồng
 - Kỹ quỹ, ký cược dài hạn : 480.219.500 đồng

2.3. Tình hình tăng giảm tài sản cố định công ty

- Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ : 175.349.042.232 đồng
 - Nguyên giá tài sản cố định tăng trong kỳ : 5.122.136.278 đồng
 - Nguyên giá TSCĐ giảm trong kỳ : 2.032.016.344 đồng
 - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ : 178.439.162.166 đồng
 - Hao mòn TSCĐ lũy kế : 121.354.751.786 đồng

Trong đó: Khấu hao TSCĐ trong kỳ : 4.847.464.038 đồng

- Giá trị còn lại của TSCĐ cuối kỳ : 57.084.410.379 đồng

Nguyên nhân tăng, giảm tài sản cố định:

- Nguyên giá tài sản cố định tăng lên là do : Xây dựng, sửa chữa cải tạo hoàn thành và đưa vào sử dụng một số công trình : Bến Thiên Đường, khu trò chơi súng sơn, Sân khấu nhạc nước, Sân Tembuding bên đọi, Sân Tembuding cổng chính, mua mới 2 trò chơi đua xe phục khu khu vui chơi giải trí .

- Nguyên nhân giảm tài sản cố định là do phá dỡ thanh lý : Nhà ăn hội trường, nhà dịch vụ đa năng sáu mái, WC Công cộng trung tâm, nhà để xe văn phòng, bể cá Massage số 3 lấy mặt bằng xây dựng nhà hàng Nàng công mới và cải tạo sân vườn tiểu cảnh để khách đến tham quan chụp ảnh khu trung tâm.

II- KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025:

1. Hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Việt nam đồng

1.1. Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh 38.011.434.636
 - Doanh thu hoạt động KD chính 38.009.986.175
 - Doanh Thu hoạt động tài chính 1.448.461
1.2. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh 37.412.363.171

Chi tiết chi phí theo bảng dới đây

TỔNG HỢP CHI PHÍ THEO KHOẢN MỤC

Chi tiết	TK632, TK635	TK641	TK642	Cộng năm nay
Dịch vụ Ẩn sáng KS	509.494.580			509.494.580
Khấu hao TSCĐ	4.947.464.038			4.947.464.038
Chi phí DV viễn thông	110.918.204		49.004.755	159.922.959
CP sửa chữa, thay thế nhỏ	776.404.916	2.100.000	22.079.221	800.584.137
CF Tiếp thị, Quảng cáo...	37.028.000	366.150.000	360.000	403.538.000
Chi phí tiền điện	3.131.398.390			3.131.398.390
Chi phí trả trước, CCDC	1.860.474.740		12.753.000	1.873.227.740
Chi phí NVL trực tiếp	967.613.578			967.613.578
Chi phí nhân công	12.186.590.236	4.140.653.703	5.122.594.284	21.449.838.223
CP xăng dầu, C.tác phí	8.942.836		11.501.069	20.443.905
Chi phí dịch vụ khác	142.025.099		135.091.404	24.397.034
CP văn phòng phẩm			24.397.034	796.728.795
Thuế, Phí, thuê đất			796.728.795	796.728.795
Chi phí photo in ấn	14.892.893		8.390.942	23.283.835
Thù lao HĐQT, ban KS				
Chi phí nước sạch	15.022.000			15.022.000
Dịch vụ truyền hình				
CF dự phòng				
Chi tiếp thị, tiếp khách			148.095.463	148.095.463
CF Đồng phục, bảo hộ lễ	278.185.000		30.000.000	308.185.000
Chi phí đào tạo			6.300.000	6.300.000
CF tham quan học tập				
Chi phí ủng hộ, hỗ trợ				
Chi phí lãi vay	1.515.051,213			1.515.051,213
Chi phí vệ sinh môi trường	34.657.778			34.657.778
Cộng	26.536.163.501	4.508.903.703	6.367.295.967	37.412.363.171

1.3 Lợi nhuận từ hoạt động KD : 599.071.465 đồng

2. Hoạt động khác

2.1. Thu nhập hoạt động khác : 8.666.686 đồng

2.2. Chi phí hoạt động khác : 558.070.984 đồng

2.3. Lợi nhuận từ hoạt động khác : - 549.404.298 đồng

3. Tổng lợi nhuận trước thuế : 49.667.167 đồng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp : 7.792.568 đồng

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 41.874.599 đồng

III. CHI TIẾT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LIÊN DOANH

Công ty hiện đang nhận góp vốn liên doanh theo ba hợp đồng hợp tác kinh doanh là Động Huyện thoại cung và động thể giới cổ tích và âm phủ, Khu trung bày kỷ vật động ba cây thông. Kết quả kinh doanh của 3 đơn vị liên doanh được hạch toán chung trên cùng hệ thống sổ sách kế toán của công ty và theo dõi chi tiết riêng. Doanh thu làm căn cứ phân chia cho 02 bên liên doanh được trích từ vé trọn gói vào cổng khu du lịch, theo thoả thuận giữa các bên: đối với

Động Huyền thoại cung tính bằng 5.000đ/lượt người vào cổng, đối với động thể giới cổ tích tính bằng 8.000đ/lượt người vào cổng. Riêng khu trưng bày kỷ vật động ba cây thông bán vé tham quan riêng mệnh giá là 30.000đ/ lượt người. Hàng năm các bên tiến hành quyết toán phân chia kết quả kinh doanh của từng hợp đồng liên doanh theo tỷ lệ góp vốn, hợp đồng của các bên.(Căn cứ theo phụ lục số 46 ngày 29/04/2025. Kể từ ngày 30/04/2025 động ba cây thông hoạt động theo điều khoản của phụ lục hợp đồng) . Kết quả thực hiện chi tiết như sau.

BẢNG TỔNG HỢP PHÂN CHIA KẾT QUẢ KINH DOANH CHO CÁC BÊN LIÊN DOANH

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

TT	Nội dung	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:		
			Động Huyền thoại cung (Liên minh HTX Việt Nam)	Khu trưng bày kỷ vật động ba cây thông (Ông Trần Đức Mạnh)	Động Thê giới cổ tích và âm phủ (Ông Lê Kỳ Anh)
A	Tổng doanh thu	2.093.015.038	736.057.836	168.249.999	1.188.707.204
B	Tổng chi phí	2.570.454.703	1.267.919.293	96.351.307	1.206.184.103
1	Chi phí nhân công trực tiếp (622)	1.067.639.820	538.694.893	27.996.869	500.948.058
2	Chi phí nguyên vật liệu (6211)	7.598.865	6.777.660	648.148	173.057
3	Chi phí sản xuất chung (6271)	464.115.327	211.683.906	33.753.579	218.677.842
4	Chi phí NVL sản xuất chung (6272)	21.885.410	11.448.391	0	10.437.019
5	Chi phí NVL sản xuất chung (6273)	29.888.704	29.828.704	0	60.000
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài sx chung (6277)	286.691.849	191.744.013	10.692.927	84.254.909
7	Chi phí bán hàng (Cổng chính)(641)	374.774.591	156.187.438	23.259.784	195.327.369
8	Phân bổ chi phí hoạt động theo doanh thu	317.860.137	121.554.288		196.305.849
C	Lợi nhuận được chia	-477.439.665	-531.861.458	71.898.692	-17.476.899
D	Thuế thu nhập DN	10.884.359		14.379.738	-3.495.380
E	Lợi nhuận sau thuế được chia cho các bên tham gia Liên doanh với công ty	-488.324.023	-531.861.458	57.518.954	-13.981.519
	<i>Liên minh HTX Việt Nam (51% động Huyền thoại cung)</i>		-271.249.343		
	<i>Chuyển lỗ năm trước</i>		-443.447.803		
	<i>Số tiền còn phải trả động HTC</i>		-714.697.146		
	<i>Ông Lê Kỳ Anh (70% Động cổ tích)</i>				-12.233.829
	<i>Chuyển lỗ năm trước</i>				
	<i>Số tiền còn phải trả động cổ tích</i>				-12.233.829
	<i>Thuế TNCN khấu trừ</i>		0		

Số tiền thực nhận				
Liên minh HTX Việt Nam (động HTC 51%)				
Ông Lê Kỳ Anh (70% Động cổ tích)				
Ông Trần Đức Mạnh (60% Khu trung bày kỷ vật)			34.511.372	
Chuyển lỗ năm				
Số tiền còn phải trả khu trung bày kỷ vật			34.511.372	
Thuế TNCN khấu trừ		0	1.725.569	
Số tiền thực nhận			32.785.804	

IV- THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Chi tiết theo từng loại thuế	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp CK
- Thuế giá trị gia tăng	132.477.764	2.247.649.675	2.228.083.604	152.043.835
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-55.746.452	7.792.568	100.000.000	-147.953.884
- Thuế thu nhập cá nhân	52.733.735	381.140.557	343.629.458	90.244.834
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-2.288.664	867.789.335	866.645.003	-1.144.332
- Các loại thuế khác				
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		2.000.000	2.000.000	
Cộng	127.176.383	3.506.372.135	3.540.358.065	93.190.453

V- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

- Lao động bình quân năm là: 151 người, (Ngoài ra còn khoảng 33 lao động nhận khoán KD dịch vụ tự lo lương, BHXH và các chế độ theo hình thức khoán gọn)

Tổng quỹ tiền lương : 20.561.062.000 đồng

- Thu nhập bình quân LĐ : 11.800.000 đồng/ người/ tháng

+ Công ty đã đảm bảo được đầy đủ các chế độ cho người lao động như trang phục làm việc, chế độ ăn ca, chế độ phép, chế độ nghỉ bù và các chế độ khác theo đúng quy định của Pháp Luật lao động.

VI- VỀ ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP:

Tổng vốn đầu tư đầu kỳ là : 245.000.000 đồng

Giảm trong kỳ :

Tổng vốn đầu tư cuối kỳ : 245.000.000 đồng

Là vốn đầu tư tại công ty cổ phần du lịch Nam Phương là: 245.000.000 đồng . Ngoài phần vốn góp cổ phần, công ty này còn nợ Công ty cổ phần khách sạn du lịch công đoàn Hồ Núi Cốc khoản nợ : 778.860.422 đồng (khoản nợ do bàn giao tài sản khi tách thành lập công ty này). Công ty này đến nay đã ngừng hoạt động, không có báo cáo tài chính, hàng năm không đại hội cổ đông. Chúng tôi đã có văn bản đề nghị báo cáo tài chính và tổ chức đại hội nhiều lần xong chưa có kết quả. Đến nay công ty này gần như phá sản. Toàn bộ vốn góp tại công ty này 245.000.000 đã được trích vào quỹ dự phòng rủi ro tài chính.

PHẦN THỨ HAI
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2026

Căn cứ đánh giá phân tích các kết quả đạt được năm 2025 và tình hình hoạt động thực tế tại các đơn vị công ty dự toán khả năng tài chính, ngân sách năm 2026 như sau:

1. Kế hoạch doanh thu, chi phí:

* Tổng doanh thu và thu nhập khác	48.018.349.205	đồng
* Tổng chi phí	44.767.825.985	đồng
- Lợi nhuận trước thuế	3.250.523.221	đồng
Thuế TNDN	552.588.948	đồng
Lợi nhuận sau thuế	2.697.934.273	đồng
Lợi nhuận chia liên doanh	59.384.472	đồng
Lợi nhuận chia cổ tức	2.100.000.000	đồng
Lợi nhuận để lại các quỹ	538.549.801	đồng
- Nhu cầu vốn lưu động	38.020.361.947	đồng
- Vòng quay vốn lưu động dự kiến	1,5	vòng
- Doanh thu 1 vòng quay vốn LĐ	32.012.232.804	
- Nhu cầu vốn lưu động cho 1 vòng quay	25.346.907.965	đồng
Trong đó: - Vốn tự có và vốn khác	7.604.072.389	đồng
- Vốn vay ngân hàng	17.742.835.575	đồng

*** Nguồn vốn trả nợ:** Nguồn trả nợ cho khoản vay Ngân hàng là từ doanh thu của phương án sản xuất kinh doanh. Theo phương án sản xuất kinh doanh trên, doanh thu thuần 1 năm của công ty là : **48.018.349.205 đồng**. Doanh thu thuần cho 1 vòng quay là: **38.020.361.947^d**. Với doanh thu như trên công ty hoàn toàn đảm bảo cho các khoản vay.

*** Đảm bảo tín dụng:** Công ty sử dụng các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của khu du lịch Hồ Núi Cốc thuộc phần quản lý của Công ty làm đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng;

2. Về kế hoạch trả nợ dài hạn :

Theo hợp đồng vay vốn dài hạn thì tổng số tiền phải trả vay vốn dài hạn năm 2026 cho các dự án đã thực hiện là: 2.000 triệu đồng. Ngoài ra tùy thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh có thể trả dần hợp đồng vay trung hạn chưa đến kỳ trả nợ. Trả cổ tức năm 2024 là 3 tỷ đồng .Nguồn vốn đảm bảo cho việc trả nợ là hao mòn tài sản cố định theo KH là: 4.900 triệu, Các khoản trích chi phí trả trước dài hạn: 1.700 triệu, lợi nhuận trích các quỹ theo KH: 290 triệu. Tổng cộng là: 6.860 triệu đồng đáp ứng yêu cầu trả nợ theo kế hoạch.

3. Về lao động: Đảm bảo có đủ việc làm cho người lao động.

Tổng số lao động	232 Người
Tr.đó LĐ hưởng lương KD	146 Người

Tổng quỹ tiền lương	24.539.954.415	Đồng
Các khoản trích theo lương	2.834.760.345	Đồng
Lương bình quân/người/tháng	13.996.949	Đồng

4. Nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước dự kiến hoàn thành 5,25 tỷ đồng

VII- Kết luận và kiến nghị:

Trên cơ sở những kết quả trên đề nghị đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua một số nội dung sau:

1. Biểu quyết thông qua báo cáo tài chính năm 2025
2. Biểu quyết phê duyệt tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau :

2.1	Tổng lợi nhuận chưa phân phối	41.874.599	Đồng
2.2	Chia LD khu trung bày kỹ vật (Theo HĐ)	34.511.372	Đồng
2.3	Quỹ đầu tư phát triển	7.363.227	Đồng

Trên đây là báo cáo tình hình tài chính công ty năm 2025, kế hoạch tài chính năm 2026 và phương án phân chia lợi nhuận sau thuế TNDN.

Kính trình đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua

Xin trân trọng cảm ơn!

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thái

Người đại diện theo pháp luật



Lê Văn Thoan

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Đơn vị tính: VND

TT	Đơn vị	Doanh thu	Chi phí nhân nguyên vật liệu trực tiếp	Chi phí Nhân công IT	Chi phí SX chung	Tổng giá vốn	Lãi gộp
1	Dịch vụ trọn gói	24.105.157.404	482.103.148	8.920.091.588	6.449.182.793	15.851.377.529	8.253.779.875
2	Huyền thoại cung	1.030.134.932	20.602.699	853.845.569	358.669.321	1.233.117.588	(202.982.656)
3	Thế giới cổ tích và âm phủ	1.648.215.891	32.964.318	907.798.738	310.220.204	1.250.983.260	397.232.631
4	Dịch vụ trò chơi có thu vé	5.202.051.157	52.020.512	1.804.125.126	2.116.600.797	3.972.746.435	1.229.304.722
5	Tàu xuống	4.072.091.831	325.767.346	1.228.630.048	1.564.526.042	3.118.923.436	953.168.395
6	Khách sạn	2.385.087.195	47.701.744	1.654.821.265	2.237.246.772	3.939.769.781	(1.554.682.586)
7	HỒ NÚI CỐC PLAZA	3.652.801.620	73.056.032	820.489.923	2.437.517.859	3.331.063.815	321.737.804
8	Xe điện	1.242.354.630	24.847.093	466.686.555	311.098.009	802.631.656	439.722.974
9	Khoản dịch vụ	4.680.454.545	-	17.200.000	2.148.765.171	2.165.965.171	2.514.489.375
	Tổng cộng	48.018.349.205	1.059.062.892	16.673.688.812	17.933.826.968	35.666.578.671	12.351.770.534
	Chi phí lãi vay						1.800.000.000
	Chi phí quản lý DN, b.hàng						7.301.247.313
	Dự phòng						-
	Lãi dòng hoạt động						3.250.523.221
	Thuế TNDN						552.588.948
	Lợi nhuận sau thuế						2.697.934.273
	<i>Lợi nhuận chia liên doanh</i>						59.384.472
	<i>Lợi nhuận chia cổ tức</i>						2.100.000.000
	<i>Lợi nhuận để lại các quỹ</i>						538.549.801

Tổng số lao động	232
Tr.đó LĐ hưởng lương KD	146
Tổng quỹ tiền lương	24.539.854.415
Các khoản trích theo lương	2.834.760.345
Lương bình quân	13.996.949
Nộp Ngân sách	5.251.868.447

LẬP BIỂU



Nguyễn Xuân Thái

Ngày tháng 03 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Văn Thoan

TỜ TRÌNH

V/v Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

- Căn cứ vào luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành
- Căn cứ vào điều lệ của công ty cổ phần khách sạn du lịch công đoàn Hồ Núi Cốc
- Căn cứ vào báo cáo quyết toán tài chính năm 2025 và kết quả kinh doanh năm 2025

Hội đồng quản trị công ty trình Đại hội cổ đông xem xét phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 với các nội dung sau

Đơn vị tính : VNĐ

TT	NỘI DUNG	TK	SỐ TIỀN
1	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN		49.667.167
2	Giảm lợi nhuận do chi phí lãi vay năm 2025 không được trừ chuyển sang		
3	Thuế TNDN		7.792.568
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2025		41.874.599
5	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 chuyển sang		
6	Tổng lợi nhuận chưa phân phối		41.874.599
7.1	Chia LD huyền thoại cung năm 2025 (theo HĐ)	3388	
7.2	Chia LD Thế giới cổ tích năm 2025 (theo HĐ)	3388	
7.3	Chia LD khu trung bày kỷ vật năm 2025 (theo HĐ)	3388	34.511.372
7.4	Quỹ đầu tư phát triển	414	7.363.227

Trên đây là phương án phân phối lợi nhuận năm 2025
Kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận phê duyệt

Ngày tháng 03 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


LÊ VĂN THOAN

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Căn cứ vào điều lệ và quy chế quản trị điều hành công ty cổ phần khách sạn du lịch công đoàn Hồ Núi Cốc đã được đại hội đồng cổ đông thông qua

- Căn cứ vào báo cáo quyết toán tài chính năm 2025 và chứng từ sổ, sách, kho, quỹ, tài sản thực tế của công ty
Hôm nay, ngày 20 tháng 03 năm 2026. Tại phòng kế toán tài chính công ty cổ phần khách sạn du lịch công đoàn Hồ Núi Cốc trụ sở công ty

Thành phần gồm:

1. Ông: Lê Văn Thoan	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật
2. Ông: Nguyễn Xuân Thái	Chức vụ: Kế toán trưởng
3. Bà: Dương Thị Thanh Hà	Chức vụ: Kế toán
4. Bà: Đoàn Thị Oanh	Chức vụ: Thủ quỹ
5. Bà: Lý Thị Hồng Khuyên	Chức vụ: Thủ kho
6. Ông: Phan Thuyết Hồ	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
7. Ông: Nguyễn Đình Thuận	Chức vụ: Ủy viên Ban kiểm soát

Đã cùng nhau tiến hành kiểm tra, thẩm định sổ sách, báo cáo tài chính năm 2024 của công ty.

Thời gian làm việc từ 08 giờ ngày 20/3/2026 đến 16h00phút ngày 20/03/2026

Sau khi kiểm tra xem xét số liệu trên sổ sách kế toán và báo cáo quyết toán tài chính năm 2025, đối chiếu với kho quỹ, tài sản của công ty chúng tôi cùng nhau thống nhất số liệu như sau:

Phân I. Kết quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VNĐ	38.009.986.175	38.009.986.175	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu chi liên doanh	VNĐ	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	VNĐ	38.009.986.175	38.009.986.175	0
4. Giá vốn hàng bán	VNĐ	25.021.112.288	25.021.112.288	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	VNĐ	12.988.873.887	12.988.873.887	0
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VNĐ	1.448.461	1.448.461	0
7. Chi phí tài chính	VNĐ	1.515.051.213	1.515.051.213	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	VNĐ	1.515.051.213	1.515.051.213	0
8. Chi phí bán hàng	VNĐ	4.508.903.703	4.508.903.703	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VNĐ	6.367.295.967	6.367.295.967	0
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	VNĐ	599.071.465	599.071.465	0
11. Thu nhập khác	VNĐ	8.666.686	8.666.686	0
12. Chi phí khác	VNĐ	558.070.984	558.070.984	0
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	VNĐ	-549.404.298	-549.404.298	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (5	VNĐ	49.667.167	49.667.167	0
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VNĐ	7.792.568	7.792.568	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VNĐ	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VNĐ	41.874.599	41.874.599	0

Phân II: Tình hình tài sản, nguồn vốn của công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Số Báo cáo	Số Kiểm tra	Chênh lệch
A. Tài sản ngắn hạn	100	7.028.783.258	7.028.783.258	0
I - Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1.104.337.095	1.104.337.095	0
1. Tiền	111	1.104.337.095	1.104.337.095	0
2. Các khoản tương đương tiền	112	0	0	0
II - Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	0	0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121	0	0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	0	0	0

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	0	0	0
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.735.882.634	2.735.882.634	0
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	346.542.487	346.542.487	0
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.264.561.000	1.264.561.000	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	778.860.422	778.860.422	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XI	134	0	0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	0	0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	345.918.725	345.918.725	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	0	0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	0	0	0
IV - Hàng tồn kho	140	1.127.810.218	1.127.810.218	0
1. Hàng tồn kho	141	1.127.810.218	1.127.810.218	0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	149	0	0	0
V - Tài sản ngắn hạn khác	150	2.060.753.311	2.060.753.311	0
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.911.655.095	1.911.655.095	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	0	0	0
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	149.098.216	149.098.216	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	0	0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	0	0	0
B. Tài sản dài hạn	200	60.765.539.085	60.765.539.085	0
I - Các khoản phải thu dài hạn	210	0	0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	0	0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	0	0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	0	0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	0	0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	0	0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	0	0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	0	0	0
II - Tài sản cố định	220	57.084.410.380	57.084.410.380	0
1. Tài sản cố định hữu hình	221	57.084.410.380	57.084.410.380	0
- Nguyên giá	222	178.439.162.166	178.439.162.166	0
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223	-121.354.751.786	-121.354.751.786	0
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	0	0	0
- Nguyên giá	225	0	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226	0	0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	0	0	0
- Nguyên giá	228	0	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229	0	0	0
III - Bất động sản đầu tư	230	0	0	0
- Nguyên giá	231	0	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	232	0	0	0
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	3.681.128.705	3.681.128.705	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	0	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	3.681.128.705	3.681.128.705	0
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250	0	0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251	0	0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	245.000.000	245.000.000	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	0	0	0
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(*)	254	-245.000.000	-245.000.000	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	0	0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260	0	0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	0	0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	0	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	0	0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	0	0	0

Tổng tài sản	270	67.794.322.343	67.794.322.343	0
Tổng nguồn vốn	440	67.794.322.342	67.794.322.342	0
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300	40.447.026.794	40.447.026.794	0
I - Nợ ngắn hạn	310	24.823.350.721	24.823.350.721	0
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	899.107.439	899.107.439	0
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16.912.700	16.912.700	0
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	242.288.669	242.288.669	0
4. Phải trả người lao động	314	4.655.052.005	4.655.052.005	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	474.597.221	474.597.221	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	9.783.467	9.783.467	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317	0	0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	0	0	0
9. Phải nộp ngắn hạn khác	319	4.892.605.922	4.892.605.922	0
10. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	11.378.883.194	11.378.883.194	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	0	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	2.254.120.104	2.254.120.104	0
13. Quỹ bình ổn giá	323	0	0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	0	0	0
II - Nợ dài hạn	330	15.623.676.073	15.623.676.073	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331	162.553.600	162.553.600	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	0	0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	2.892.207.973	2.892.207.973	0
4. Phải trả nội bộ vốn kinh doanh	334	0	0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	0	0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	0	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	480.219.500	480.219.500	0
8. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	12.088.695.000	12.088.695.000	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	0	0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	0	0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	0	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	0	0	0
D. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400	27.347.295.548	27.347.295.548	0
I - Vốn chủ sở hữu	410	27.347.295.548	27.347.295.548	0
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	7.000.000.000	7.000.000.000	0
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	7.000.000.000	7.000.000.000	0
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0	0
3. Quyền chọn quyền đổi trái phiếu	413	0	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	0	0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	0	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	0	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	0	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	18.615.695.220	18.615.695.220	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0	0
10. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	420	1.689.725.729	1.689.725.729	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	41.874.599	41.874.599	0
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tr	421a	0	0	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	41.874.599	41.874.599	0
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0	0
II - Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0	0
1. Nguồn kinh phí	431	0	0	0
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432	0	0	0
Tổng Cộng Nguồn Vốn	440	67.794.322.342	67.794.322.342	0

Kết luận:

- Số liệu báo cáo tài chính được ghi chép trung thực, đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định, Sổ sách chứng từ được cập nhật đầy đủ, gọn gàng và được lưu tại phòng kế toán tài chính công ty .

- Biên bản lập xong hồi 16h00phút ngày 20/03/2026 và đọc cho mọi người cùng nghe và nhất trí ký tên vào biên bản

Đại diện ban kiểm soát



Kế toán trưởng



Người đại diện theo pháp luật

